

TỔNG CÔNG TY THÀNH AN  
CÔNG TY CPXL THÀNH AN 96

Số: 403/CTCP-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 8 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 14 Thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán, Công ty CPXL Thành An 96 thực hiện công bố thông tin Báo cáo Tài chính (BCTC) soát xét 6 tháng đầu năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

### 1. Tên tổ chức:

- Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96
- Mã chứng khoán : TA9
- Địa chỉ : Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hoà Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại : 0236.3615.333 Fax: 0236.3615.334
- Email: Taichinh96@gmail.com Website: [www.thanhan96.vn](http://www.thanhan96.vn)

### 2. Nội dung thông tin công bố:

#### - Báo cáo Tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2024:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 29/8/2024 tại đường dẫn [www.thanhan96.vn](http://www.thanhan96.vn)

**3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong 6 tháng đầu năm 2024: Không có**

- Nội dung giao dịch:
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%):
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC;
- Văn bản giải trình.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Trịnh Thị Thu Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

---

**Đà Nẵng - Tháng 8 năm 2024**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	7
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	8 - 29

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96

Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An (Bình đoàn 11), được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25/10/2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/01/2008, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ 09 (chín) ngày 03/10/2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 09 (chín) ngày 03/10/2018 là: 124.197.870.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm chín bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Continta 96 Jsc.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: TA9.

Trụ sở chính của Công ty: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phan Xuân Bằng	Chủ tịch
Ông Đặng Đình Khiêm	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Đức Trúc	Thành viên
Bà Trịnh Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hà	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Diệu Thúy	Trưởng ban
Ông Lâm Văn Công	Thành viên
Bà Mai Tố Loan	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Hoàng Đức Trúc	Giám đốc
Ông Phạm Văn Lê	Phó Giám đốc
Ông Đặng Đình Khiêm	Phó Giám đốc
Ông Trần Đình Ba Ti	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kháng	Phó Giám đốc
Bà Trịnh Thị Thu Hương	Phó Giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Hoàng Đức Trúc**

**Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Số: 300/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi:            **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 được lập ngày 26/8/2024, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc  
Thay mặt và đại diện**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2.339.958.882.172</b>	<b>2.130.749.540.885</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>303.732.837.718</b>	<b>632.810.405.642</b>
1. Tiền	111		138.732.837.718	267.810.405.642
2. Các khoản tương đương tiền	112		165.000.000.000	365.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>576.062.299.802</b>	<b>842.148.568.735</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	177.129.472.692	561.191.631.181
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	112.572.114.338	30.389.851.665
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.5	94.169.546.367	91.936.777.025
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	9.000.000.000	12.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	199.189.563.094	162.628.705.553
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(15.998.396.689)	(15.998.396.689)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.9</b>	<b>1.309.370.611.263</b>	<b>582.752.891.720</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.309.370.611.263	582.752.891.720
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>145.793.133.389</b>	<b>68.037.674.788</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	7.438.444.853	284.799.091
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		115.293.955.920	57.321.908.991
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	23.060.732.616	10.430.966.706
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+240+260)	<b>200</b>		<b>139.299.539.935</b>	<b>95.999.765.454</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>123.153.701.995</b>	<b>86.831.620.533</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	119.242.626.695	82.920.545.233
- Nguyên giá	222		223.151.326.861	174.690.401.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.908.700.166)	(91.769.856.105)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	3.911.075.300	3.911.075.300
- Nguyên giá	228		8.455.853.078	8.455.853.078
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.544.777.778)	(4.544.777.778)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.247.978.470</b>	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	6.247.978.470	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.897.859.470</b>	<b>9.168.144.921</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	9.897.859.470	9.168.144.921
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>2.479.258.422.107</b>	<b>2.226.749.306.339</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300=310+330)	<b>300</b>		<b>2.327.121.676.127</b>	<b>2.067.558.228.076</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.295.983.676.127</b>	<b>2.050.256.228.076</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	660.424.161.924	757.620.570.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	1.259.929.794.403	869.916.843.917
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	1.720.002.055	3.408.231.223
4. Phải trả người lao động	314		18.618.507.044	39.835.910.483
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	99.925.025.128	97.853.164.287
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	253.511.899.972	277.820.774.585
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.854.285.601	3.800.733.201
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>31.138.000.000</b>	<b>17.302.000.000</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	31.138.000.000	17.302.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>152.136.745.980</b>	<b>159.191.078.263</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>152.136.745.980</b>	<b>159.191.078.263</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		124.197.870.000	124.197.870.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		124.197.870.000	124.197.870.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.013.970.966	20.013.970.966
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.924.905.014	14.979.237.297
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		974.175	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.923.930.839	14.979.237.297
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.479.258.422.107</b>	<b>2.226.749.306.339</b>

Người lập



Nguyễn Long An

Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Thơm

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2024



Hoàng Đức Trúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.013.439.218.704	953.796.919.984
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.013.439.218.704	953.796.919.984
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	964.579.293.861	921.775.215.143
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>48.859.924.843</b>	<b>32.021.704.841</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.358.011.136	14.705.570.215
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.848.087.007	4.447.377.689
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.848.087.007	4.447.377.689
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	36.250.440.062	32.172.543.321
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>10.119.408.910</b>	<b>10.107.354.046</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	136.838.356	6.356.353
12. Chi phí khác	32	6.6	136.363.636	-
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>474.720</b>	<b>6.356.353</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>10.119.883.630</b>	<b>10.113.710.399</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.195.952.791	2.022.742.080
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>7.923.930.839</b>	<b>8.090.968.319</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	638,01	493,74

Người lập



Nguyễn Long An

Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Thơm

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2024



Hoàng Đức Trúc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.119.883.630	10.113.710.399
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		12.138.844.061	4.872.325.012
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.358.011.136)	(14.705.570.215)
- Chi phí lãi vay	06		5.848.087.007	4.447.377.689
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.748.803.562	4.727.842.885
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		192.484.456.094	(57.971.353.009)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(726.617.719.543)	(271.155.181.816)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		258.478.601.914	(283.258.588.055)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.883.360.311)	(8.604.333.837)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.848.087.007)	(4.447.377.689)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.651.876.466)	(51.498.382)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.946.447.600)	(1.724.795.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(270.235.629.357)	(622.485.285.143)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(54.708.903.993)	(21.672.117.274)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.358.011.136	14.732.501.723
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.350.892.857)	(6.939.615.551)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		289.472.220.136	238.365.465.112
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(299.945.094.749)	(95.207.125.424)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.171.097)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.491.045.710)	143.158.339.688
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(329.077.567.924)	(486.266.561.006)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	632.810.405.642	768.155.906.401
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	303.732.837.718	281.889.345.395

Người lập



Nguyễn Long An

Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Thom

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Giám đốc



Hoàng Đức Trúc

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An, tiền thân là Công ty Xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An (Bình đoàn 11), được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25/10/2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/01/2008, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ 09(chín ) ngày 03/10/2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Continta 96 Jsc.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 09 (chín) ngày 03/10/2018 là: 124.197.870.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm chín bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*), tương đương 12.419.787 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: TA9.

Trụ sở chính: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP . Đà Nẵng.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 3.041 người (số lao động tại ngày 31/12/2023 là 3.120 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh: Xây dựng nhà các loại; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, kiểm định thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán lẻ ô tô con; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Vệ sinh chung nhà cửa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ đồ uống; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp-giao thông(đường bộ); Đại lý du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Giáo dục nghề nghiệp; Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (chi tiết: hoạt động trang trí nội thất); Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú; Dịch vụ tắm hơi, matxa và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao), chi tiết là hoạt động tắm hơi, matxa; Địa điểm sản xuất, khai thác, sửa chữa, cửa xẻ gỗ ngoài địa bàn TP. Đà Nẵng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình cấp thoát nước; Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; Xây dựng công trình công ích khác; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình khai khoáng; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Chuẩn bị mặt bằng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Thi công xây lắp các công trình.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp Xây lắp 33: Tổ 5, Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 54: Số 88 Nguyễn Chánh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 74: Số 96B Trần Phú, phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Xí nghiệp Xây lắp 79: Số 273, ngõ 35 Khương Hạ, Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Chi nhánh Quảng Trị: Số 34 Nguyễn Du, phường 5, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Chi nhánh Hà Nội: Số 86A ngách 358/25 Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Chi nhánh Miền Nam: 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Đà Nẵng: Chấm dứt hoạt động theo Thông báo số 10057/24 ngày 11/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Cơ quan Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Cơ quan Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

#### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	08 - 30
Máy móc và thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...  
Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Quyền khai thác mỏ đá: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty chi ra liên quan đến quyền khai thác mỏ đá.
- Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao chi tiết như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền khai thác tại mỏ đá Suối Mơ	07
Phần mềm kế toán	03
Quyền sử dụng 3.775 m <sup>2</sup> đất tại Núi Thành, Quảng Nam	08
Quyền sử dụng đất lâu dài tại 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	Không trích khấu hao

#### Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

##### *Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### **Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích các quỹ sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

##### **Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

##### **Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### **Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác**

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn xây lắp, hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

#### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xây lắp trên địa bàn duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	6.644.279.448	2.694.573.536
Tiền gửi ngân hàng	132.088.558.270	265.115.832.106
Các khoản tương đương tiền	165.000.000.000	365.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng (*)</i>	<i>165.000.000.000</i>	<i>365.000.000.000</i>
<b>Tổng</b>	<b>303.732.837.718</b>	<b>632.810.405.642</b>

(\*) Bao gồm khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại, thời hạn 01- 03 tháng, lãi suất 2,0% - 3,0%/năm.

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

(\*) Bao gồm khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại, thời hạn 6 tháng, lãi suất 3,4%/năm.

**5.3 Phải thu khách hàng**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>177.129.472.692</b>	<b>561.191.631.181</b>
BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và công nghiệp (TP HCM)	22.344.594.291	156.605.606.794
Cty Cổ phần Tập đoàn Trường Sơn	20.450.775.144	20.450.775.144
Phải thu các khách hàng khác	134.334.103.257	384.135.249.243
<b>Tổng</b>	<b>177.129.472.692</b>	<b>561.191.631.181</b>
<i>Trong đó: phải thu là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>2.486.096.683</i>	<i>3.876.970.983</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.4 Trả trước cho người bán**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>112.572.114.338</b>	<b>30.389.851.665</b>
Công ty CP đầu tư XD Sơn Thành An	9.537.329.841	10.307.452.000
Công ty CP Indochina E&C	-	228.942.908
Công ty KTKTCN Quốc Phòng	-	4.421.430.000
Công ty TNHH Trang Minh	25.484.050.170	-
Công ty Cổ Phần công nghiệp Đại Tân Thịnh	16.850.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	60.700.734.327	15.432.026.757
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>112.572.114.338</b>	<b>30.389.851.665</b>

**5.5 Phải thu nội bộ ngắn hạn**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Thành An	94.169.546.367	91.936.777.025
<b>Tổng</b>	<b>94.169.546.367</b>	<b>91.936.777.025</b>
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>94.169.546.367</i>	<i>91.936.777.025</i>

**5.6 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ban Quản lý 11S - Tổng Công ty Thành An	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Trung Anh	-	3.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>9.000.000.000</i>	<i>9.000.000.000</i>

**5.7 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>199.189.563.094</b>	-	<b>162.628.705.553</b>	-
Ký cược, ký quỹ	320.575.538	-	231.443.118	-
Tạm ứng	192.855.735.756	-	159.489.720.922	-
Phải thu khác	6.013.251.800	-	2.907.541.513	-
<i>Lãi dự thu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>446.136.984</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>6.013.251.800</i>	<i>-</i>	<i>2.461.404.529</i>	<i>-</i>
<b>Tổng</b>	<b>199.189.563.094</b>	<b>-</b>	<b>162.628.705.553</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.8 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi	21.441.593.110	5.443.196.421	21.441.593.110	5.443.196.421
<i>Trong đó:</i>	<b>Quá hạn 6 tháng - 1 năm</b>	<b>Quá hạn 1-2 năm</b>	<b>Quá hạn 2-3 năm</b>	<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
Các đối tượng khác	-	4.697.059.874	10.315.554.926	6.428.978.310
<b>Tổng</b>	-	<b>4.697.059.874</b>	<b>10.315.554.926</b>	<b>6.428.978.310</b>

**5.9 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	812.545.454	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.567.999.379	-	29.090.749.492	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.288.990.066.430	-	553.662.142.228	-
<b>Tổng</b>	<b>1.309.370.611.263</b>	-	<b>582.752.891.720</b>	-

**5.10 Chi phí trả trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.438.444.853</b>	<b>284.799.091</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	199.538.355	-
Chi phí đầu thầu, bảo lãnh	5.045.304	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.233.861.194	284.799.091
<b>Dài hạn</b>	<b>9.897.859.470</b>	<b>9.168.144.921</b>
Chi phí công cụ dụng cụ, máy thi công	5.775.528.888	6.204.298.154
Chi phí sửa chữa	647.128.774	405.110.875
Đồ dùng văn phòng	1.101.732.021	1.629.486.105
Chi phí mỏ đá	929.249.787	929.249.787
Chi phí mỏ đất Duy Xuyên	1.444.220.000	-
<b>Tổng</b>	<b>17.336.304.323</b>	<b>9.452.944.012</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.11 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	48.528.099.357	63.602.187.897	60.596.760.811	1.963.353.273	174.690.401.338
Tăng trong kỳ	-	38.104.344.445	10.356.581.078	-	48.460.925.523
Mua trong kỳ	-	38.104.344.445	10.356.581.078	-	48.460.925.523
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>48.528.099.357</b>	<b>101.706.532.342</b>	<b>70.953.341.889</b>	<b>1.963.353.273</b>	<b>223.151.326.861</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	22.109.873.347	16.386.833.625	52.085.394.291	1.187.754.842	91.769.856.105
Tăng trong kỳ	1.531.569.350	7.986.577.887	2.435.012.118	185.684.706	12.138.844.061
Khấu hao trong kỳ	1.531.569.350	7.986.577.887	2.435.012.118	185.684.706	12.138.844.061
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>23.641.442.697</b>	<b>24.373.411.512</b>	<b>54.520.406.409</b>	<b>1.373.439.548</b>	<b>103.908.700.166</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2024	26.418.226.010	47.215.354.272	8.511.366.520	775.598.431	82.920.545.233
Tại 30/6/2024	24.886.656.660	77.333.120.830	16.432.935.480	589.913.725	119.242.626.695

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 105.454.556 VND (tại ngày 01/01/2024 là 178.181.828 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 59.348.696.020 VND (tại ngày 01/01/2024 là 56.147.754.906 VND).

**5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền khai thác mỏ đá	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2024	4.000.000.000	4.311.075.300	144.777.778	8.455.853.078
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.311.075.300</b>	<b>144.777.778</b>	<b>8.455.853.078</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2024	4.000.000.000	400.000.000	144.777.778	4.544.777.778
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>144.777.778</b>	<b>4.544.777.778</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2024	-	3.911.075.300	-	3.911.075.300
Tại 30/6/2024	-	3.911.075.300	-	3.911.075.300

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.12 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)**

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm 3.775 m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất tại Hồ Lá, thôn Đông Yên, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, thời gian sử dụng đất đến tháng 11/2060 và 156 m<sup>2</sup> đất sử dụng lâu dài tại địa chỉ 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 4.544.777.778 VND (tại ngày 01/01/2024 là 4.544.777.778 VND).

**5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng trụ sở khu vực miền Bắc	6.247.978.470	-
<b>Tổng</b>	<b>6.247.978.470</b>	<b>-</b>

**5.14 Phải trả người bán**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Phương Anh Nha Trang	47.006.658.725	47.006.658.725	83.297.340.881	83.297.340.881
Phải trả người bán khác	613.417.503.199	613.417.503.199	674.323.229.499	674.323.229.499
<b>Tổng</b>	<b>660.424.161.924</b>	<b>660.424.161.924</b>	<b>757.620.570.380</b>	<b>757.620.570.380</b>

*Đơn vị tính: VND*

**5.15 Người mua trả tiền trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Người mua trả tiền trước khác	1.259.929.794.403	869.916.843.917
<b>Tổng</b>	<b>1.259.929.794.403</b>	<b>869.916.843.917</b>

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

	01/01/2024		30/6/2024	
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ
<b>Phải nộp</b>	3.408.231.223	9.035.953.175	10.724.182.343	1.720.002.055
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.720.861.751	2.230.423.832	3.651.876.466	1.299.409.117
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	2.720.861.751	2.195.952.791	3.617.405.425	1.299.409.117
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	34.471.041	34.471.041	-
Thuế thu nhập cá nhân	609.248.603	4.556.556.895	4.745.212.560	420.592.938
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	78.120.869	2.248.972.448	2.327.093.317	-
<b>Phải thu</b>	10.430.966.706	(13.197.213)	12.616.568.697	23.060.732.616
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	10.430.966.706	(13.197.213)	12.616.568.697	23.060.732.616

*Đơn vị tính: VND*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.17 Phải trả khác**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>99.925.025.128</b>	<b>97.853.164.287</b>
Kinh phí công đoàn	947.017.168	1.263.013.732
Bảo hiểm xã hội	125.996.158	114.196.579
Bảo hiểm y tế	42.562.067	45.217.961
Các khoản phải trả, phải nộp khác	98.806.313.688	96.427.909.268
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>7.391.758.635</i>	<i>70.920.448</i>
<i>Công ty Tín Phát</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
<i>Tổng công ty Thành An</i>	<i>13.632.194.516</i>	<i>7.055.017.313</i>
<i>Tiền bảo lãnh hợp đồng các công trình</i>	<i>67.057.972.534</i>	<i>79.933.443.534</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>9.224.388.003</i>	<i>7.868.527.973</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	3.136.047	2.826.747
<b>Tổng</b>	<b>99.925.025.128</b>	<b>97.853.164.287</b>
<i>Trong đó: phải trả các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>13.632.194.516</i>	<i>7.055.017.313</i>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96**Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông,  
quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính***Đơn vị tính: VND*

Vay	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>253.511.899.972</b>	<b>253.511.899.972</b>	<b>273.452.220.136</b>	<b>297.761.094.749</b>	<b>277.820.774.585</b>	<b>277.820.774.585</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng (1)	171.341.749.845	171.341.749.845	191.282.070.009	135.786.906.555	115.846.586.391	115.846.586.391
Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Đà Nẵng (2)	82.170.150.127	82.170.150.127	82.170.150.127	161.974.188.194	161.974.188.194	161.974.188.194
<b>Vay dài hạn</b>	<b>31.138.000.000</b>	<b>31.138.000.000</b>	<b>16.020.000.000</b>	<b>2.184.000.000</b>	<b>17.302.000.000</b>	<b>17.302.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng (3)	31.138.000.000	31.138.000.000	16.020.000.000	2.184.000.000	17.302.000.000	17.302.000.000
<b>Tổng</b>	<b>284.649.899.972</b>	<b>284.649.899.972</b>	<b>289.472.220.136</b>	<b>299.945.094.749</b>	<b>295.122.774.585</b>	<b>295.122.774.585</b>

(1): Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT486-TA96 ngày 07/11/2023 giữa ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn và Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 với hạn mức cho vay tối đa 350.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022- HĐCVHM/NHCT486-TA96 ngày 18/8/2022; Lãi suất theo từng giấy nhận nợ kể từ thời điểm giải ngân. Thời gian cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 07/11/2023 đến ngày 07/11/2024. Biện pháp đảm bảo bao gồm các tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

(2): Hợp đồng cấp tín dụng số 193516.24.301.50099.TD ngày 06/3/2024 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 với tổng hạn mức cho vay và bảo lãnh là 2.000.000.000.000 VND. Trong đó hạn mức cho vay là 300 tỷ đồng; hạn mức bảo lãnh thanh toán là 100 tỷ đồng; Hạn mức bảo lãnh ngoài thanh toán là 1.800 tỷ đồng. Giá trị HMTD đã bao gồm toàn số dư (các) khoản tín dụng của khách hàng số 129063.23.301.50099.TD ngày 10/5/2023. Thời gian giao kết hợp đồng này đến ngày là 20/2/2025. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây lắp. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh theo từng thời kỳ và được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay: 9 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Biện pháp đảm bảo là các động sản, quyền tài sản phát sinh trong các hợp đồng thi công xây dựng công trình, kèm theo danh sách cụ thể trong hợp đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96**

Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông,  
quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(3) Bao gồm các hợp đồng vay:

- Giấy nhận nợ số 01 với số tiền: 1.725.000.000 VND và Giấy nhận nợ số 02 với số tiền 8.805.000.000 VND kèm theo hợp đồng cho vay từng lần số 01/2023-HĐCVTL/NHCT846-TA96 ngày 07/8/2023 giữa CTCP Xây lắp Thành An 96 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn. Số tiền cam kết cho vay: 10.530.000.000 VND; thời hạn cho vay: 60 tháng; lãi suất kỳ tính lãi đầu tiên là 8,7% và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giấy nhận nợ số 01 kèm theo hợp đồng cho vay từng lần số 02/2023-HĐCVTL/NHCT846-TA96 ngày 23/11/2023 giữa CTCP Xây lắp Thành An 96 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn. Số tiền: 7.600.000.000 VND; thời hạn cho vay: 60 tháng; lãi suất kỳ tính lãi đầu tiên là 8,5% và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy xúc đào bánh xích hãng XCMG XE600DLL.
- Giấy nhận nợ số 01 kèm theo hợp đồng số 01/2024-HĐCVTL/NHCT846-TA96 ngày 10/01/2024 giữa Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn. Số tiền cam kết cho vay: 720.000.000 VND; thời hạn cho vay: 36 tháng; lãi suất kỳ tính lãi đầu tiên là 6,5% và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng. Mục đích vay: Mua máy móc thiết bị.
- Giấy nhận nợ số 01 kèm theo hợp đồng số 02/2024-HĐCVTL/NHCT846-TA96 ngày 06/06/2024 giữa Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn. Số tiền cam kết cho vay: 15.300.000.000 VND; thời hạn cho vay: 60 tháng; lãi suất kỳ tính lãi đầu tiên là 5,6% và được điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 26 hàng tháng. Mục đích vay: Mua tài sản cố định.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.19 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	124.197.870.000	15.865.874.484	13.199.938.079	153.263.682.563
Lãi trong năm trước	-	-	23.010.016.598	23.010.016.598
Tạm trích các quỹ năm 2023 (i)	-	4.148.096.482	(8.065.743.160)	(3.917.646.678)
Trích lập các quỹ 2022	-	-	(13.164.974.220)	(13.164.974.220)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>124.197.870.000</b>	<b>20.013.970.966</b>	<b>14.979.237.297</b>	<b>159.191.078.263</b>
Số dư tại 01/01/2024	124.197.870.000	20.013.970.966	14.979.237.297	159.191.078.263
Lãi trong kỳ này	-	-	7.923.930.839	7.923.930.839
Chia cổ tức năm 2023 (i)	-	-	(14.978.263.122)	(14.978.263.122)
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>124.197.870.000</b>	<b>20.013.970.966</b>	<b>7.924.905.014</b>	<b>152.136.745.980</b>

(i) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 20/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2024, lợi nhuận sau thuế năm 2023 được phân phối như sau:

+ Chia cổ tức: 65% lợi nhuận sau thuế;

+ Quỹ đầu tư phát triển: 4.148.096 nghìn VND (đã tạm trích trong năm 2023);

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.571.972 nghìn VND (đã tạm trích trong năm 2023);

+ Quỹ thưởng Ban Điều hành: 345.675 nghìn VND (đã tạm trích trong năm 2023).

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Thành An	63.343.730.000	63.343.730.000
AMERICA LLC	7.390.000.000	17.301.000.000
Các Cổ đông khác	53.464.140.000	43.553.140.000
<b>Tổng</b>	<b>124.197.870.000</b>	<b>124.197.870.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	124.197.870.000	124.197.870.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	124.197.870.000	124.197.870.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.978.263.122	13.164.974.220

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	12.419.787	12.419.787
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	12.419.787	12.419.787
Cổ phiếu phổ thông	12.419.787	12.419.787
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	12.419.787	12.419.787
Cổ phiếu phổ thông	12.419.787	12.419.787
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.013.439.218.704	948.044.142.727
Doanh thu bán hàng	-	5.752.777.257
<b>Tổng</b>	<b>1.013.439.218.704</b>	<b>953.796.919.984</b>
<i>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	-	5.752.777.257

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	964.579.293.861	916.052.805.498
Giá vốn bán hàng	-	5.722.409.645
<b>Tổng</b>	<b>964.579.293.861</b>	<b>921.775.215.143</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.358.011.136	14.705.570.215
<b>Tổng</b>	<b>3.358.011.136</b>	<b>14.705.570.215</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	5.848.087.007	4.447.377.689
<b>Tổng</b>	<b>5.848.087.007</b>	<b>4.447.377.689</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.045.661.348	14.398.006.763
Chi phí đồ dùng văn phòng	376.654.725	593.553.218
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.875.965.317	2.133.116.718
Thuế phí và lệ phí	117.593.311	36.184.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.507.510.429	10.382.855.065
Chi phí bằng tiền khác	6.327.054.932	4.628.826.999
<b>Tổng</b>	<b>36.250.440.062</b>	<b>32.172.543.321</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý vật tư	136.363.636	-
Thu nhập khác	474.720	6.356.353
<b>Tổng</b>	<b>136.838.356</b>	<b>6.356.353</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá vốn thanh lý vật tư	136.363.636	-
<b>Tổng</b>	<b>136.363.636</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>474.720</b>	<b>6.356.353</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.119.883.630</b>	<b>10.113.710.399</b>
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>10.119.883.630</b>	<b>10.113.710.399</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	2.023.976.726	2.022.742.080
Thuế TNDN bổ sung của năm trước	171.976.065	-
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>2.195.952.791</b>	<b>2.022.742.080</b>

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>7.923.930.839</b>	<b>8.090.968.319</b>
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi; thưởng Ban điều hành (*)</i>	-	(1.958.823.339)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>7.923.930.839</b>	<b>6.132.144.980</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	12.419.787	12.419.787
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>638,01</b>	<b>493,74</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(\*): Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi lương thành viên HĐQT, Ban kiểm soát không chuyên trách cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2023 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2023 được trình bày lại như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 (đã trình bày) VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 (trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.090.968.319	8.090.968.319	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý (VND)	-	(1.958.823.339)	(1.958.823.339)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	8.090.968.319	6.132.144.980	1.958.823.339
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	12.419.787	12.419.787	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	651,46	493,74	(157,72)

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.065.845.608.560	786.281.631.767
Chi phí nhân công	178.263.392.702	139.786.943.161
Chi phí khấu hao	12.138.844.061	4.872.325.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	468.491.926.797	317.584.524.183
Chi phí khác bằng tiền	6.444.648.243	4.665.011.557
<b>Tổng</b>	<b>1.731.184.420.363</b>	<b>1.253.190.435.680</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Thành An Ban Quản lý 11S - Tổng Công ty Thành An	Công ty mẹ Cùng Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và thành viên quản lý khác	Thu nhập	1.883.276.279	1.825.826.542

**Trong đó, chi tiết như sau:**

<b>Thành viên chủ chốt</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>
Ông Hoàng Đức Trúc	Thành viên HĐQT, Giám đốc	184.766.460	180.374.348
Ông Phan Xuân Bằng	Chủ tịch HĐQT	176.040.000	175.482.000
Ông Đặng Đình Khiêm	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc	169.554.857	171.710.348
Bà Trịnh Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	154.887.158	152.628.442
Ông Trần Đình Ba Ti	Phó Giám đốc	169.554.857	171.710.348
Ông Phạm Văn Lê	Phó Giám đốc	164.732.572	166.033.565
Ông Nguyễn Văn Kháng	Phó Giám đốc	415.564.244	367.417.934
Bà Trần Thị Diệu Thúy	Trưởng BKS	117.116.436	118.265.106
Bà Mai Tố Loan	Thành viên BKS	108.848.495	99.993.251
Ông Lâm Văn Công	Thành viên BKS	76.800.000	76.800.000
Ông Hoàng Xuân Thom	Kế toán trưởng	145.411.200	145.411.200
<b>Tổng</b>		<b>1.883.276.279</b>	<b>1.825.826.542</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2024	01/01/2024
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>2.486.096.683</b>	<b>3.876.970.983</b>
Tổng công ty Thành An	Công ty mẹ	2.486.096.683	3.876.970.983
<b>Các khoản phải trả khác</b>		<b>13.632.194.516</b>	<b>7.055.017.313</b>
Tổng Công ty Thành An	Công ty Mẹ	13.632.194.516	7.055.017.313
<b>Các khoản phải thu nội bộ</b>		<b>94.169.546.367</b>	<b>91.936.777.025</b>
Tổng Công ty Thành An	Công ty Mẹ	94.169.546.367	91.936.777.025
<b>Phải thu về cho vay</b>		<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>
Ban Quản lý 11S - Tổng Công ty Thành An	Cùng công ty Mẹ	9.000.000.000	9.000.000.000

**Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
<b>Bán hàng</b>		-	<b>5.752.777.257</b>
Tổng Công ty Thành An	Bán hàng	-	5.752.777.257
<b>Các giao dịch khác</b>		<b>12.925.946.473</b>	<b>11.657.604.187</b>
Tổng Công ty Thành An	Cổ tức	7.639.253.838	6.714.435.380
Tổng Công ty Thành An	Dịch vụ khác	5.286.692.635	4.943.168.807

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Nguyễn Long An

Kế toán trưởng

Hoàng Xuân Thơm

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Giám đốc



Hoàng Đức Trúc